

Số: 42/NQ-HĐND

Mường Sại, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MUỜNG SẠI
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 590/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 10 Tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-BKTNS ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Mục tiêu

Gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch, phát triển hạ tầng, quản lý đất đai; thúc đẩy phát triển đồng bộ kinh tế - văn hóa - xã hội trên nền tảng số. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số để xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân; tăng cường phân cấp, phân quyền; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính quyền số. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh ngay tại cơ sở; phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt và Nhân dân trong giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Phát huy mạnh mẽ các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử cách mạng và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; xây dựng không gian văn hóa lành mạnh, bảo tồn và lan tỏa bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển con người toàn diện, giàu lòng tự hào, có khát vọng cống hiến, xây dựng địa phương phát triển nhanh, bền vững.

Tập trung Phát triển nông nghiệp, gắn với du lịch sinh thái, phát triển diện tích cây ăn quả trên đất dốc, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung gắn với đẩy mạnh liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực, nhất là nguồn nhân lực quản lý nhà nước; chú trọng phát triển nguồn nhân lực lao động phổ thông trên địa bàn đủ điều kiện tham gia vào thị trường lao động trong và ngoài nước.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030: 18 chỉ tiêu (*có Biểu chi tiết kèm theo*).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Về phát triển kinh tế

2.1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Khai thác triệt để tiềm năng đất đai, phát huy lợi thế của xã; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng giảm diện tích cây hàng năm trên đất dốc, tăng diện tích cây lâu năm có giá trị kinh tế. Trên cơ sở diện tích cây ăn quả hiện có 355 ha năm 2025, giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu trồng mới khoảng 60 ha cây ăn quả tại các bản Nong, bản Thống Nhất, bản Dọ...; hình thành vùng trồng cây công nghiệp (*cà phê*) tập trung tại các bản Muôn, bản Còi, bản Thống Nhất... góp phần tạo ra các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Đổi mới phương thức sản xuất theo hướng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất an toàn, từng bước phát triển sản phẩm rau, củ, quả sạch, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp.

- Tập trung đổi mới phương thức tổ chức sản xuất, nâng cao sản lượng, năng suất và giá trị sản phẩm nông nghiệp. Phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản theo hướng bền vững, ưu tiên các loài có lợi thế, giá trị kinh tế cao như cá lăng, cá chép, cá trắm, rô phi. Năm 2025, toàn xã duy trì 40,5 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản với trên 490 lồng cá, sản lượng nuôi trồng và khai thác đạt 367 tấn. Giai đoạn 2026 - 2030, khai thác, sử dụng hợp lý tiềm năng mặt nước, từng bước giảm áp lực khai thác tự nhiên, tăng quy mô và hiệu quả nuôi trồng; gắn phát triển thủy sản với bảo vệ nguồn lợi lâu dài, bảo đảm đa dạng sinh học và môi trường sinh thái, đồng thời kết hợp phát triển du lịch sinh thái vùng lòng hồ. Phấn đấu đến năm 2030, sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đạt khoảng 12.000 tấn, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Thực hiện hiệu quả chương trình phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã. Năm 2025, tổng đàn vật nuôi đạt 50.274 con. Giai đoạn 2026 - 2030, khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi theo hướng nuôi nhốt, bán chăn thả gắn với đầu tư chuồng trại, tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát giết mổ, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; tập trung phát triển chăn nuôi đại gia súc (*trâu, bò, dê*) và gia cầm (*gà, vịt*). Phấn đấu đến năm 2030, quy mô đàn vật nuôi toàn xã đạt khoảng 75.975 con, góp phần nâng cao giá trị sản xuất ngành chăn nuôi.

- Huy động và lồng ghép hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn; ưu tiên đầu tư hạ tầng thủy lợi, giao thông nội đồng, hạ tầng vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, tiêu thụ nông sản, góp phần thực hiện mục tiêu nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 35% cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế nông nghiệp

theo hướng bền vững.

2.1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Từng bước phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, cụ thể: Duy trì và phát triển các cơ sở cắt, hàn lắp nhôm, kính trên địa bàn xã, phát triển dịch vụ cung ứng, trung chuyển vật liệu xây dựng đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà ở và các công trình khác cho nhân dân trên địa bàn xã.

2.1.3. Thương mại - dịch vụ - du lịch: Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng ngành thương mại, dịch vụ; đẩy mạnh xã hội hóa các loại hình thương mại - dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp và tiêu thụ sản phẩm; quyết tâm đưa du lịch sinh thái gắn với phát triển nông nghiệp chất lượng cao trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, làm khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2.1.4. Tài chính, tín dụng: Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả mọi nguồn thu trên địa bàn xã. Chi ngân sách đảm bảo đúng luật và cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, nhất là việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội; làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công. Tổng thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 10% so với chỉ tiêu HĐND tỉnh giao.

2.1.5. Công tác phát triển doanh nghiệp và HTX: Phát huy lợi thế của điều kiện tự nhiên, tiếp tục phát triển kinh tế vùng theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, từng bước công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Số HTX thành lập mới giai đoạn 2026 - 2030 là 5 đến 6 đơn vị.

2.1.6. Lĩnh vực đầu tư xây dựng: Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư; tranh thủ, nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; ưu tiên đầu tư các dự án cần thiết, cấp bách, dự án phục vụ phát triển sản xuất; thực hiện chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng đô thị.

2.1.7. Tài nguyên, môi trường: Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả công tác quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước và biến đổi khí hậu, đảm bảo quản lý chặt chẽ, sử dụng và khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

2.2.8. Chương trình mục tiêu Quốc gia: Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư từ Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi; Chương trình mục tiêu giảm nghèo; Chương trình Xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu Quốc gia khác nhằm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ và nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn xã.

2.2. Văn hoá - xã hội

2.2.1. Giáo dục - đào tạo: Tiếp tục đổi mới quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; tăng cường đầu tư cơ sở trường, lớp học. Tập trung nâng cao chất lượng

toàn diện về giáo dục và đào tạo, chú trọng đến giáo dục; duy trì, củng cố phổ cập giáo dục ở các bậc học; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở tất cả các ngành nghề, lĩnh vực của xã.

2.2.2. Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh cho nhân dân; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế Quốc gia; không để xảy ra dịch bệnh bùng phát ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động kết hợp cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình để nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn xã.

2.2.3. Văn hoá thông tin: Tiếp tục triển khai chiến lược Văn hóa và hoàn thiện các chỉ tiêu về văn hóa những năm tiếp theo. Mỗi người đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của bản thân và cơ quan đơn vị. Đảm bảo mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.2.4. Thể dục - thể thao, văn hóa - văn nghệ, Truyền thanh - Truyền hình

- Giữ gìn, phát huy nét đẹp truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc; đẩy mạnh hoạt động thông tin, truyền thông, hoạt động thể dục, thể thao, hoạt động vui chơi, giải trí, phong trào văn nghệ quần chúng nhằm nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa, tinh thần cho nhân dân.

- Thực hiện hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho các hộ nghèo, theo tiêu chuẩn nghèo, hộ cận nghèo được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm thực hiện hỗ trợ đầu thu; hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách theo quy định của nhà nước.

2.2.5. Lĩnh vực an sinh xã hội và giảm nghèo

- Thực hiện tốt công tác xoá đói, giảm nghèo và đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động; chuyển đổi ngành nghề, cho vay với lãi suất ưu đãi, đảm bảo hài hoà; khuyến khích thu hút doanh nghiệp sử dụng lao động; thực hiện tốt các chính sách đảm bảo an sinh xã hội; đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật sản xuất nông, lâm nghiệp cho lao động nông thôn; giảm số hộ nghèo.

- Tập trung vào các chính sách hỗ trợ đa dạng, kết hợp với thay đổi nhận thức, tạo sinh kế bền vững và đầu tư cơ sở hạ tầng; thực hiện đào tạo nghề, hỗ trợ vay vốn, nâng cao năng lực tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, và đẩy mạnh truyền thông, vận động nguồn lực từ xã hội. Phấn đấu đến năm 2030 toàn xã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

2.3. Lĩnh vực nội chính và công tác phòng chống tham nhũng

2.3.1. Công tác cải cách hành chính, công tác cán bộ, thi đua khen thưởng

- Công tác cải cách hành chính: Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh công tác cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; công tác tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức; cải cách hành chính công; hiện đại hóa nền hành chính trên địa bàn xã. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò của Thủ trưởng

đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; gắn kết quả cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng; áp dụng các giải pháp, sáng kiến để nâng cao hiệu quả thực hiện nhất là cải cách thủ tục hành chính.

- Công tác cán bộ: Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tổ chức bộ máy; công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo quản lý; công tác điều động công chức, viên chức, tuyển dụng, thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước quy định.

- Thi đua khen thưởng: Tiếp tục nâng cao vai trò trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và người đứng đầu ở các cơ quan, đơn vị trong việc tuyên truyền, quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện công tác TĐKT. Chỉ đạo thực hiện tốt sự phối hợp giữa tổ chức Đảng với chính quyền, các đoàn thể các cấp trong công tác thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên, các phong trào thi đua chuyên đề, thi đua theo đợt do cấp trên phát động.

2.3.2. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và cải cách tư pháp

a) Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp Công dân; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2012 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 02/5/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW; Quy định số 12-QĐ/TU ngày 27.2.2019 của Tỉnh ủy Sơn La về đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh với nhân dân.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân ngay từ cơ sở; tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, đông người, không để hình thành điểm nóng, mất an ninh trật tự. Phát huy vai trò của nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tập trung giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tồn đọng; tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết đơn thư mới phát sinh theo đúng quy định (*giải quyết xong các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân đạt từ 85-90%*).

b) Cải cách tư pháp: Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về công tác cải cách tư pháp, công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân theo tinh thần Chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ đảng viên và Nhân dân. Tiếp tục tổ chức quán triệt và thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 13.01.2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

2.3.3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng:

- Thực hiện công bố công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ chế một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công của xã. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và kỷ luật hành chính.

- Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành tổ chức thực hiện của các cơ quan, phòng, ban. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả công tác; triển khai thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong các cơ quan, đơn vị; chân chính thực hiện chế độ thông tin báo cáo của các cơ quan, đơn vị, các bản.

- Phối hợp chặt chẽ kịp thời phát hiện, xử lý các vụ việc vi phạm về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện nghiêm túc các kết luận thanh tra, kiểm toán, quyết định xử lý sau thanh tra.

2.4. Công tác quốc phòng, an ninh

2.4.1. Công tác quốc phòng

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương có chất lượng tổng hợp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ diễn tập, luyện tập theo chỉ tiêu trên giao; nâng cao trình độ, khả năng làm tham mưu của cơ quan quân sự, Công an và các ban, ngành, đoàn thể; đồng thời nâng cao nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương.

- Hàng năm tổ chức tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu được giao. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng đảm bảo theo đúng kế hoạch, nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2.4.2. Công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội:

- Thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ; bám sát cơ sở nắm chắc tình hình liên quan đến ANCT-TTXH trên địa bàn, trọng tâm là tình hình an ninh nông thôn, an ninh vùng dân tộc, an ninh tôn giáo. Tích cực tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh trật tự, an toàn xã hội. Phấn đấu 100% cơ quan, doanh nghiệp, trường học, khu dân cư đạt tiêu chuẩn “*An toàn về an ninh trật tự*”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Hội đồng Nhân dân xã kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Mường Sại khóa XXI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Sơn La;
- UBND tỉnh Sơn La;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- TT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Dũng

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030
Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mường Sại)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu NQ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I	UỶ TH 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030				
					2026	2027	2028	2029	2030
	TỔNG SỐ: 18 CHỈ TIÊU								
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ	5 Chỉ tiêu							
1	GRDP bình quân đến năm 2030	Triệu đồng/người/ năm	49	45,15	46	47	48	48,5	49
2	Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 (%)	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	25.669 tấn	33.50	35	35	35	35	35
		Đàn vật nuôi	70.850	50.274	75.975	75.975	75.975	75.975	75.975
		- CN - XD		2	2	2	2	2	2
		- Dịch vụ		20	21	22	23	24	25
		- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp		5,07	6,0	5,7	5,6	5,2	5,3
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030	Tỷ đồng		32	40	50	60	60	60

4	Thu ngân sách trên địa bàn năm 2030	%	10	1.3	2	2	2	2	2
5	Thành lập mới, duy trì doanh nghiệp, HTX trên địa bàn	Doanh nghiệp, HTX	5-6	4	5	5	5	6	6
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI	9 chỉ tiêu							
6	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2030	%	95	73	74	80	85	90	95
7	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động	%	95	85	87	89	91	93	95
	Lao động đi làm việc ở nước ngoài	Người	10	1	2	2	2	2	2
	TD: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	30	30	31	32	32	33	34
8	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0	4,50	3,6	2,7	1,8	0,9	0
	Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2026-2030 giảm bình quân		Giảm 1-2%/năm						
9	Số bác sĩ/10.000 dân đến năm 2030	Bác sĩ		0.02	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
	Số giường bệnh/10.000 dân đến năm 2030	Giường		0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1
10	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	96	95	95	95	95	96	96

11	Chỉ tiêu nông thôn mới								
	- Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	1	1	1	1	1	1	1
12	Tỷ lệ bản đạt tiêu chuẩn danh hiệu văn hóa đạt	%	85	72,5	74	77	80	82	85
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “gia đình văn hóa”	%	90	86,5	87	88	89	89,5	90
13	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến hết năm 2030	%	100	100	100	100	100	100	100
14	Tỷ lệ bản, tiểu khu, tổ dân phố được phủ sóng băng rộng đến năm 2030	%	100	50	60	70	80	90	100
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG	03 chỉ tiêu							
15	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2030	%	60	30	35	38	41	48	60
16	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	95	73	79	82	85	90	95
	Bao bì thuốc bảo vệ thực vật qua sử dụng được thu gom	%	100	100	100	100	100	100	100
	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã được thu gom và xử lý đúng quy định đạt	%	100	61	70	80	90	100	100
17	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định <i>(bao gồm cả diện tích cây ăn quả trên đất dốc)</i> đến năm 2030	%	42	38.84	41,94	42,2	42,5	42,8	43

IV	CHỈ TIÊU VỀ AN NINH, TRẬT TỰ	01 chỉ tiêu							
18	Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trở lên đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến năm 2030	%	100	100	100	100	100	100	100
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đến hết năm 2030	%	100	100	100	100	100	100	100